



LUẬT TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN VÀ VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

QUỐC HỌA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số 42/2002/QH12

LUẬT

TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

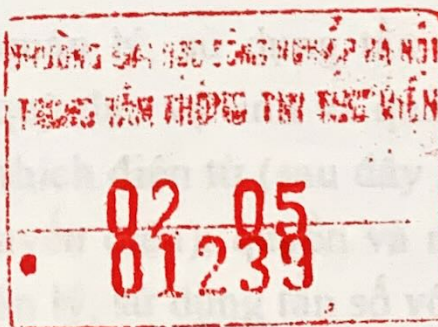
LUẬT TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

VÀ VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về tần số vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện, bức xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ (sau đây gọi chung là quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tần số vô tuyến điện là tần số của sóng vô tuyến điện

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Luật số: 42/2009/QH12

LUẬT

TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật Tần số vô tuyến điện.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh và quản lý an toàn bức xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ (sau đây gọi chung là quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện); quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tần số vô tuyến điện* là tần số của sóng vô tuyến điện.

Sóng vô tuyến điện là sóng điện từ có tần số thấp hơn 3.000 gigahéc (GHz) truyền lan tự do trong không gian, không có dẫn sóng nhân tạo.

2. *Phổ tần số vô tuyến điện* là toàn bộ dải tần số vô tuyến điện.

3. *Băng tần số vô tuyến điện* (sau đây gọi là băng tần) là một dải tần số vô tuyến điện được giới hạn bằng hai tần số xác định.

4. *Kênh tần số vô tuyến điện* (sau đây gọi là kênh tần số) là một dải tần số vô tuyến điện được xác định bằng độ rộng và tần số trung tâm của kênh hoặc các thông số đặc trưng khác.

5. *Thông tin vô tuyến điện* là sự truyền dẫn, phát hoặc thu ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng thông tin khác bằng sóng vô tuyến điện.

6. *Nghiệp vụ vô tuyến điện* là việc truyền dẫn, phát hoặc thu sóng vô tuyến điện cho một mục đích thông tin vô tuyến điện cụ thể, bao gồm nghiệp vụ vô tuyến điện cố định, di động, phát thanh, truyền hình, hàng không, hàng hải, dẫn đường, định vị, vệ tinh, phát chuẩn, nghiệp dư và nghiệp vụ vô tuyến điện khác. Nghiệp vụ vô tuyến điện được phân loại thành nghiệp vụ chính và nghiệp vụ phụ.

Nghiệp vụ chính là nghiệp vụ vô tuyến điện được quy định ưu tiên sử dụng trong Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.

Nghiệp vụ phụ là nghiệp vụ vô tuyến điện không được quy định ưu tiên sử dụng trong Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.

7. *Đài vô tuyến điện* là một hoặc tổ hợp thiết bị vô tuyến điện, bao gồm cả thiết bị phụ trợ kèm theo được triển khai để

thực hiện nghiệp vụ vô tuyến điện. Đài vô tuyến điện được phân loại theo nghiệp vụ mà đài vô tuyến điện đó hoạt động thường xuyên hoặc tạm thời.

8. *Bức xạ vô tuyến điện* là năng lượng sinh ra ở dạng sóng vô tuyến điện từ một nguồn bất kỳ.

9. *Phát xạ vô tuyến điện* là bức xạ của một đài phát vô tuyến điện.

10. *Thiết bị vô tuyến điện* là thiết bị thu, phát hoặc thu - phát các ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng thông tin khác bằng sóng vô tuyến điện.

11. *Thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện* là thiết bị tạo ra và sử dụng năng lượng sóng vô tuyến điện cục bộ phục vụ các ứng dụng trong công nghiệp, khoa học, y tế, gia dụng hoặc mục đích tương tự, trừ thiết bị vô tuyến điện.

12. *Quỹ đạo vệ tinh* là đường chuyển động của vệ tinh trong không gian.

13. *Nhiều có hại* là ảnh hưởng có hại của năng lượng điện từ do việc phát xạ, bức xạ hoặc cảm ứng gây mất an toàn hoặc cản trở, làm gián đoạn hoạt động của thiết bị, hệ thống thiết bị vô tuyến điện đang khai thác hợp pháp.

14. *Tương thích điện từ* là khả năng thiết bị, hệ thống thiết bị vô tuyến điện, điện, điện tử hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến thiết bị, hệ thống thiết bị khác.

15. *Phân bổ tần số vô tuyến điện* là việc dành băng tần, kênh tần số xác định cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng theo những điều kiện cụ thể đối với một loại nghiệp vụ vô tuyến điện.